

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/06/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		VSP02+RP2+RP3	7:25	0+6+13	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 1 vsp02-rp2
2		PPD+BK8	7:25	13+8	0+0		8+14	0+0	
3		p4	9:25	18	0		22	0	
4		PPD+P10	9:25	22+0	0+0		19+3	0+0	
5		BK3+RCS+SAVR	11:25	12+5+2	0+0+0		2+5+15	0+0+0	
6		RP3+SAVR+RP2	11:25	6+9+1	0+0+0		5+8+9	0+0+0	

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/06/2025	TO: VSP02 - RP2 - RP3	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: DUONG - N.CUONG - THANH	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	KOMPASENKO E.I.	RP2						79	ZARUBEZH	Russian
2	IVANOV V. IU	RP2	61	1	2			83	ZARUBEZH	Russian
3	ZAKLADNYI R.N.	RP2	63	1	3			108	D-HANH	Russian
4	TRẦN VĂN BÁC	RP2	59	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
5	USHAKOV A.A.	RP2	62	1	3			90	ANTOAN	Russian
6	PRAKOPCHIK I.V.	RP2	60	1	2	5	88	81	YTE	Russian
7	NGUYEN BAO TOAN	RP3	08	1	7	4	66	81	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN QUÝ HẢI	RP3	14	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG HẢI HÀ	RP3	18	1	15			79	KH-THAC	Vietnamese
10	LAM TIEN PHI	RP3	16	1	7			83	KHI	Vietnamese
11	TRẦN VĂN SEN	RP3	15	1	4			70	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN SANG	RP3	11-12	2	12			58	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN CỬ	RP3	09	1	4			57	KHI	Vietnamese
14	HỒ VĂN LƯƠNG	RP3	10	1	4			64	KHI	Vietnamese
15	ĐẶNG HUY KHANH	RP3	07	1	9			79	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN TRUNG HOÀ	RP3	17	1	5			75	KHI	Vietnamese
17	LÊ NHƯ NGUYỄN	RP3	19-20	2	8			65	KHI	Vietnamese
18	HÀ THỊ BAO	RP3						81	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH HÀ	RP3	13	1	5			83	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	VSP02	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	RP2	6	512	5	14	5	88	0	0	CHUYEN 1 PAX VSP02-RP2
3	RP3	13	941	14	84	4	66	22	0	
TOTAL		19	1.453	19	98	9	154	22		
WEIGHT KG			1.453		98		154			

GRAND TOTAL: 1.705 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Phạm Văn Hùng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/06/2025	TO: PPD - BK8	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: LINH - MTHAO - NNAM	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN VĂN CHÁNH	PPD	59	1	9			64	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN TUẤN ANH	PPD	62	1	10			93	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN NAM	PPD	57-58	2	13			88	CODIEN	Vietnamese
4	PHẠM XUÂN HAI	PPD	53-54	2	14	1	5	73	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN TRUNG PHONG	PPD	55-56	2	19			69	CODIEN	Vietnamese
6	ĐỖ VIỆT LONG	PPD	51-52	2	15			61	CODIEN	Vietnamese
7	ĐINH THẾ QUÂN	PPD	64	1	4			70	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN NAM	PPD	63	1	5			62	KHI	Vietnamese
9	ĐỖ NGỌC TÂN	PPD	61	1	6			75	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TÁ	PPD	65	1	2			68	KHI	Vietnamese
11	TRẦN LÊ RANG	PPD	60	1	4			84	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU HAO	PPD	50	1	4			78	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN HUY TRƯỜNG	PPD	66	1	5			67	KHI	Vietnamese
14	PHẠM HAI QUANG	PPD	49	1	4			72	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN CÔNG ĐÌNH	BK8	81	1	9			69	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐOÀN HÀ	BK8	91	1	17			86	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU HẠNH	BK8	92-93	2	19			63	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TOÀN	BK8	86-87	2	19			63	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN VĂN HOÀN	BK8	88	1	14			65	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ XUÂN HAI	BK8	84-85	2	14			90	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN MINH TỬ	BK8	89-90	2	19			80	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN CÔNG TUYẾN	BK8	82-83	2	19			71	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK	
		PAX	PAXW	BAG.		PAX	CARGO		
				PCS	W				
1	PPD	14	1.024	18	114	1	5	8	
2	BK8	8	587	13	130	0	0	14	
	TOTAL	22	1.611	31	244	1	5	22	
	WEIGHT KG		1.611		244		5		

GRAND TOAL: 1.860 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/06/2025	TO: P4	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Hùng - Nhi - Hùng	ETA: 11:40
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOANG NHẬT QUANG	P4	83	1	4	6	110	74	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM TRẠI	P4	77	1	5			60	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐĂNG TUẤN	P4	40	1	7			70	KHI	Vietnamese
4	TẠ XUÂN HIỆU	P4	45	1	5			66	KHI	Vietnamese
5	PHẠM THẾ TRƯỞNG	P4	80	1	8			77	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU LUẬN	P4	84-85	2	10			73	KHI	Vietnamese
7	ĐOÀN VĂN TRỰC	P4	41	1	5			67	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN HOANG TRƯỜNG	P4						80	KHI	Vietnamese
9	PHAN ĐÌNH NHÂM	P4	42	1	5			62	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TÀI	P4	38	1	3			66	KHI	Vietnamese
11	LE TRUNG LAM	P4						72	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT NGỌC	P4	46	1	7			66	KHI	Vietnamese
13	PHẠM HỒNG TÂM	P4	43-44	2	10			60	KHI	Vietnamese
14	TRẦN XUÂN TRUNG	P4	37	1	4			80	KHI	Vietnamese
15	LƯƠNG TUẤN CHUNG	P4	86	1	5			72	KHI	Vietnamese
16	NGO HUNG HAI	P4	81-82	2	10			72	ANTOAN	Vietnamese
17	TRẦN TRUNG KIẾN	P4	35-36	2	6			75	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN HOÀI	P4	39	1	8			56	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN TUẤN KIẾT	P4	32	1	7			74	NAMTIEN	Vietnamese
20	VO HUU DI	P4	30-31	2	12			93	NAMTIEN	Vietnamese
21	LE PHI HAU	P4	78-79	2	14			65	NAMTIEN	Vietnamese
22	LE QUANG PHUC	P4	33-34	2	13			61	NAMTIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P4	22	1.541	27	148	6	110	22		
	TOTAL	22	1.541	27	148	6	110	22		
	WEIGHT KG		1.541		148		110			

GRAND TOAL: 1.799 KGS

VSP REP.

VNH REP.

N.T. Mỹ Hạnh

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/06/2025	TO: PPD - P10	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: LINH - MTHAO - NNAM	ETA: 11:45
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN QUỐC HÙNG	PPD	50	1	3			58	KHI	Vietnamese
2	CHU MINH PHƯƠNG	PPD	47	1	9			86	KHI	Vietnamese
3	BUI THANH	PPD	300	1	3			62	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC HOÀ	PPD	89-90	2	10			75	KHI	Vietnamese
5	TRINH QUỐC THÀNH	PPD	48-49	2	12			104	KHI	Vietnamese
6	VŨ MẠNH HÙNG	PPD	96	1	4			76	KHI	Vietnamese
7	TRẦN QUÝ TRUNG	PPD	99	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	PPD	46	1	4			86	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ VĂN THOÀ	PPD	96	1	9			80	CODIEN	Vietnamese
10	PHAN MẠNH HÙNG	PPD	289-290	2	14	2	25	69	CODIEN	Vietnamese
11	PHAN VĂN HIỆU	PPD	94-95	2	12			60	CODIEN	Vietnamese
12	TRẦN XUÂN HOÀN	PPD	70-71	2	10			57	CODIEN	Vietnamese
13	VŨ TIẾN NGỌC	PPD	91	1	8			80	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN TRƯƠNG NHẬT MINH	PPD	88,100	2	13			86	KHI	Vietnamese
15	TRINH CÔNG BÌNH	PPD	68	1	6			63	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TƯỜNG	PPD						76	KHI	Vietnamese
17	PHẠM VĂN TUẤN	PPD	97-98	2	15			60	KHI	Vietnamese
18	TRẦN ĐỨC QUÝ	PPD	93	1	10			66	KHI	Vietnamese
19	TRẦN QUỐC TUẤN	PPD	92	1	12			75	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HẰNG	PPD	69	1	17			77	XAYLAP	Vietnamese
21	PHẠM VIỆT HOÀNG	PPD	72	1	2			50	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	PPD	21	1.517	27	178	2	25	19		
2	P10	0	0	0	0	3	55	3		
	TOTAL	21	1.517	27	178	5	80	22		
	WEIGHT KG		1.517		178		80			

GRAND TOAL: 1.775 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/06/2025	TO: BK3 - RC5 - SAVR	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: HUNG - NPHU - HUY	ETA: 14:00
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN BA PHAT	BK3	31-32	2	14			72	XAYLAP	Vietnamese
2	PHAM VAN KHUYNH	BK3	42-43	2	18			70	XAYLAP	Vietnamese
3	LE HONG DUY	BK3	45-46	2	25			64	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐINH TRỌNG KIẾN	BK3	47-48	2	24			71	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN TRUNG ĐĂNG	BK3	44	1	16			73	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐOÀN CÔNG MẠNH	BK3	33-34	2	14			75	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN MANH TAM	BK3	35	1	11			77	XAYLAP	Vietnamese
8	PHAM VAN PHU	BK3	49-50	2	20			74	XAYLAP	Vietnamese
9	HAN CONG VIEN	BK3	29-30	2	25			74	XAYLAP	Vietnamese
10	VO TA HOAN	BK3	38-39	2	20			67	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN VĂN ĐOÀN	BK3	36-37	2	25			76	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐÀO VĂN KHÔI	BK3	40-41	2	23			56	XAYLAP	Vietnamese
13	PHAM NHU SANG	RC5	02	1	14			68	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN MINH NGOC	RC5	07,10	2	25			90	XAYLAP	Vietnamese
15	VO HOANG LAM	RC5	05	1	15	4	50	66	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN THE ANH	RC5	11-12	2	21			80	XAYLAP	Vietnamese
17	MAI DUY TAN	RC5	03-04	2	18			65	XAYLAP	Vietnamese
18	KIMAKOVSKII STANISLAV	SAVR	38-39	2	16			93	AMNGR	Russian
19	GORCHAKOV SERGEI	SAVR	01	1	16			100	AMNGR	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK3	12	849	22	235	0	0	2		DE TUI LEN GHE
2	RC5	5	369	8	93	4	50	5		
3	SAVR	2	193	3	32	0	0	15		
TOTAL		19	1.411	33	360	4	50	22		
WEIGHT KG			1.411		360		50			

GRAND TOAL: 1.821 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/06/2025	TO: RP3 - SAVR - RP2	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: XHOÀN - TTRUNG - THỤ	ETA: 14:05
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN VIET KY	RP3	66	1	4	3	46	72	KHI	Vietnamese
2	PHAM VAN LAP	RP3						59	KHI	Vietnamese
3	PHAM BINH NAM	RP3	67	1	6			60	KHI	Vietnamese
4	NGO NGOC HAN	RP3	68-69	2	11			65	KHI	Vietnamese
5	ĐANG TUAN NHAT	RP3	70-71	2	13	2	20	77	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN HOAI NAM	RP3	25	1	11			80	XAYLAP	Vietnamese
7	KRAVTSOV VLADISLAV	SAVR	08-09	2	10			105	AMNGR	Russian
8	ALMAEV RAMIL	SAVR	07	1	7			86	AMNGR	Russian
9	TREPIAKOV NIKITA	SAVR	11-12	2	14			70	AMNGR	Russian
10	POMAZANSKII IVAN	SAVR	04-05	2	18	1	31	80	AMNGR	Russian
11	MOZHGOROV PETR	SAVR	16-17	2	16			69	AMNGR	Russian
12	DOBRYNIN PAVEL	SAVR	06	1	11			103	AMNGR	Russian
13	NGUYEN CAO TRUNG	SAVR	13-14	2	18			67	PVD LOGGI	Vietnamese
14	NGUYEN TAN PHONG	SAVR	02-03	2	12			70	PVD LOGGI	Vietnamese
15	NGUYEN MINH VU	SAVR				1	27	78	BAKER HU	Vietnamese
16	LUONG THE HIEN	RP2	69-70	2	19	2	25	86	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	6	413	7	45	5	66	5		
2	SAVR	9	728	14	106	2	58	8		
3	RP2	1	86	2	19	2	25	9		
TOTAL		16	1.227	23	170	9	149	22		
WEIGHT KG			1.227		170		149			

GRAND TOTAL: 1.546 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

N.T.M. Hanh

Xin PC bỏ rau lên ghế



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/06/2025	TO: CLO	AIRCRAFT: 616	ETD: 12:30
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: NKHÁNH - TRÌNH	ETA: 14:00
TIM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VÕ SĨ HOÀI THANH	CLO	43	1	3			62	KHOAN	Vietnamese
2	LƯƠNG NGỌC KHƯƠNG	CLO	44	1	3			78	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ VIỆT HÙNG	CLO	41	1	9			65	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ MẠNH THĂNG	CLO	45	1	4			63	KHOAN	Vietnamese
5	SEREBROV IGOR	CLO	42	1	11			79	KHOAN	Russian
6	ĐOÀN MẠNH CƯỜNG	CLO	46	1	10			69	KHOAN	Vietnamese
7	PHẦN TRỌNG ĐAM	CLO	47	1	6			80	KHOAN	Vietnamese
8	ĐÀO KIM NHẬT MINH	CLO	48	1	9			57	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ XUÂN DỤC	CLO	49	1	7			60	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN THỰC TRINH	CLO	50	1	11			66	KHOAN	Vietnamese
11	DƯƠNG QUỐC HUY	CLO	51	1	7	20	289	72	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CLO	11	751	11	80	20	289	11		THAO 6 GHE CHO HANG
	TOTAL	11	751	11	80	20	289	11		
	WEIGHT KG		751		80		289			

GRAND TOAL: 1.120 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN